

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

NGUYỄN HỒNG HẢI. *Xu hướng phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế*

Chuyên ngành: Kinh tế chính trị

Mã số: 62 31 01 01

Kinh tế đối ngoại (KTĐN) nước ta ngày càng trở thành bộ phận quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Nó đã góp phần tích cực vào thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, tăng cường thế và lực của Việt Nam ở trong nước và trên trường quốc tế, đẩy nhanh nhịp độ CNH, HĐH, tạo thêm nhiều việc làm mới, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế-xã hội. Tuy nhiên, dường như nó phát triển còn chưa tương xứng với tiềm năng vốn có, hoạt động KTĐN thời gian qua đã bộc lộ những mặt yếu kém, bất cập, cản trở sự phát triển kinh tế đất nước. Vì vậy, tác giả đã chọn đề tài “Xu hướng phát triển KTĐN của Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế” cho luận án của mình. Nội dung chính của luận án gồm 3 chương.

Chương 1, *Cơ sở lý luận về xu hướng phát triển KTĐN trong hội nhập kinh tế quốc tế* (tr.10-81), làm rõ cơ sở khách quan của xu hướng phát triển KTĐN, các nhân tố tác động đến xu hướng KTĐN; phân tích các xu hướng phát triển KTĐN của thế giới tác động đến xu hướng phát triển KTĐN của Việt Nam; trình bày tổng quan phát triển KTĐN ở một số nước, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm chung, có tác dụng gợi mở cho việc vận dụng đối với phát triển KTĐN ở Việt Nam.

Khái niệm KTĐN của một quốc gia, theo tác giả, có thể hiểu là một bộ phận của kinh tế quốc tế, là tổng thể các quan hệ kinh tế quốc tế, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của một quốc gia nhất định với các quốc gia khác còn lại hoặc với các tổ chức kinh tế quốc tế khác, được thực hiện dưới nhiều hình thức, hình thành và phát triển trên cơ sở phát triển của lực lượng sản xuất và phân công lao động quốc tế.

KTĐN đóng vai trò đặc biệt quan trọng, là cầu nối giữa sản xuất và lưu thông trong nước với khu vực và thế giới, thu hút các nguồn lực, kinh nghiệm xây dựng và quản lý nền kinh tế hiện đại. Ngoài ra, KTĐN còn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế-xã hội, góp phần thúc đẩy việc chuyển giao công nghệ hiện đại, tích lũy vốn và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH, nâng cao năng lực sản xuất và sức cạnh tranh của nền kinh tế, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.

Xu hướng phát triển KTĐN của một quốc gia chịu tác động của nhiều nhân tố, trong đó có thể kể đến các nhân tố bên ngoài như toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế, tình hình chính trị-xã hội, kinh tế-kỹ thuật thế giới. Cùng với đó là những nhân tố bên trong như thể chế chính trị, đường lối phát triển kinh tế quốc gia, vị trí địa lý và tiềm năng để phát triển kinh tế, lực lượng lao động có khả năng tham gia phân công lao động quốc tế...

Trong bối cảnh hội nhập hiện nay, KTĐN của thế giới đang có *xu hướng chung* là vận động theo hướng đa dạng, phong phú, thiết thực, phù hợp dần với

thông lệ quốc tế. Việc mở rộng và phát triển diễn ra cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, theo hướng vừa đa phương, vừa song phương, vừa trong khu vực, vừa đa khu vực. Mở rộng và phát triển KTĐN là nhằm thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế-xã hội, rút ngắn khoảng cách tụt hậu về kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Chương 2, *Thực trạng phát triển KTĐN ở nước ta thời gian qua* (tr.82-136), phân tích thực trạng phát triển KTĐN ở nước ta qua các giai đoạn, đồng thời trình bày tác động nhiều mặt của phát triển KTĐN đến sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, đánh giá những kết quả đạt được, các mâu thuẫn phát sinh cần giải quyết để KTĐN Việt Nam phát triển phù hợp với xu hướng chung của thế giới.

Phân tích quá trình phát triển KTĐN ở nước ta, tác giả tạm chia thành 2 giai đoạn: trước năm 1986 và từ năm 1986 đến nay.

Trước năm 1986: thời gian đầu, hoạt động KTĐN được thực hiện chủ yếu với Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu dưới hình thức viện trợ. Sau khi đất nước thống nhất, kim ngạch xuất nhập khẩu bắt đầu tăng nhanh từ 1981-1985 vì ngoài quan hệ với Hội đồng tương trợ kinh tế châu Âu còn có thêm một số nước tư bản đã thiết lập mối quan hệ thương mại với nước ta.

Từ sau năm 1986, kim ngạch xuất nhập khẩu đã có bước tiến rõ rệt qua các năm và từng bước thích nghi với quá trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, đặc biệt là từ năm 1991 đến nay.

Về hoạt động xuất nhập khẩu: Xuất khẩu hàng hoá của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có tốc độ tăng

nhanh hơn và có xu hướng chiếm tỷ trọng ngày càng lớn. Trị giá xuất khẩu đều tăng nhanh qua các năm. Thị trường xuất khẩu với kim ngạch lớn nhất của Việt Nam là APEC, kế đến là EU, ASEAN và OPEC. Về nhập khẩu, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài cũng có xu hướng ngày càng chiếm tỷ trọng cao. Trị giá nhập khẩu tăng nhanh qua các năm, phân theo thứ tự là: APEC, ASEAN, EU, OPEC.

Về tình hình thu hút FDI: Luật Đầu tư nước ngoài ban hành năm 1987 và bắt đầu thực hiện từ năm 1988 đã mở ra bước ngoặt mới trong lĩnh vực thu hút FDI của Việt Nam. Tổng số dự án, số vốn qua các năm đều tăng.

Về tình hình thu hút và sử dụng ODA: Nước ta đã nhận được sự hỗ trợ tích cực của cộng đồng các nhà tài trợ quốc tế đối với công cuộc phát triển kinh tế-xã hội, nguồn vốn cam kết giải ngân qua các năm cũng có xu hướng tăng, nhưng tỷ lệ ODA được giải ngân còn thấp hơn nhiều so với tỷ lệ ODA cam kết.

Về tình hình Việt Nam đầu tư ra nước ngoài: Thời gian đầu, số dự án và vốn đầu tư còn ít, chỉ từ năm 1999 thì con số này mới bắt đầu tăng nhanh. Công nghiệp, xây dựng là những ngành có số dự án đầu tư nhiều nhất, nhưng nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản lại là các ngành có lượng vốn đầu tư lớn nhất.

Về tình hình xuất khẩu lao động: Trước năm 1991, Việt Nam xuất khẩu lao động chủ yếu vào Liên Xô (cũ) và các nước XHCN Đông Âu dưới hình thức lao động hợp tác (chiếm đại đa số), cùng với đó là lao động phổ thông, chưa có tay nghề hoặc tay nghề thấp. Tuy nhiên, từ năm 1991 đến nay, xuất khẩu lao động

đã chuyển dịch theo hướng lao động có tay nghề ngày càng tăng, lao động trong các ngành nghề sản xuất, kinh doanh cũng tăng dần.

Qua những phân tích ở trên, tác giả làm rõ những mâu thuẫn phát sinh cần giải quyết để KTĐN của Việt Nam phát triển phù hợp với xu hướng chung của KTĐN thế giới. Đó là mâu thuẫn giữa các cơ hội do môi trường quốc tế, khu vực để đẩy nhanh phát triển KTĐN với khả năng về nguồn lực nội tại bị hạn chế; giữa xu hướng đòi hỏi phải đẩy nhanh phát triển KTĐN để hội nhập toàn diện cả chiều rộng lẫn chiều sâu với việc phải đảm bảo độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia; giữa tính phong phú, đa dạng các hình thức, nội dung mới của phát triển KTĐN trong hội nhập kinh tế quốc tế với thực tế năng lực đáp ứng bị hạn chế;...

Chương 3, *Xu hướng phát triển KTĐN của Việt Nam đến năm 2020 và các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, giải pháp để đẩy mạnh phát triển* (tr.137-189).

Tác giả nhận định, *xu hướng phát triển KTĐN của Việt Nam* phải hoà cùng xu hướng chung của thế giới nhưng vẫn phải đảm bảo có những nét đặc thù phù hợp với thực trạng hiện nay của đất nước. Đó là: 1/ Huy động mọi nguồn nội lực và ngoại lực để đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội bền vững, phát triển KTĐN là đẩy nhanh hội nhập sâu rộng và toàn diện vào nền kinh tế thế giới. 2/ Vận động theo xu hướng đa dạng, phong phú, thiết thực, phù hợp dần với thông lệ quốc tế trong tiến trình hội nhập. 3/ Mở rộng và phát triển KTĐN cả về chiều rộng và chiều sâu, vừa đa phương hoá, vừa song

phương hoá, vừa trong khu vực, vừa đa khu vực với các đối tác. 4/ Mở rộng và phát triển KTĐN nhằm thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế-xã hội, rút ngắn khoảng cách tụt hậu về kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. 5/ Tính đặc thù của mở rộng và phát triển KTĐN của Việt Nam là nhằm huy động mọi nguồn lực để đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, giữ vững định hướng XHCN.

Tổng quan những nhận định của các chuyên gia kinh tế trong nước, các chính khách và tổ chức quốc tế có uy tín trên thế giới, với tầm nhìn đến năm 2020, tác giả cho rằng các xu hướng và mục tiêu về ngoại thương, đầu tư quốc tế, xuất khẩu lao động, dịch vụ tài chính-tiền tệ với nước ngoài... dự báo sẽ có bước phát triển đột biến về quy mô, tốc độ và chất lượng cao hơn rất nhiều lần so với thập niên 2001-2010. Theo đó, các giải pháp được tác giả đưa ra để phát triển KTĐN ở nước ta đến năm 2020 là: thay đổi nhận thức của cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và toàn dân về phát triển KTĐN trong hội nhập kinh tế quốc tế; tận dụng các cơ hội nảy sinh trong hội nhập kinh tế nhằm thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư nước ngoài; đẩy mạnh phát triển thương mại quốc tế, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm, cạnh tranh doanh nghiệp, cạnh tranh quốc gia; đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Luận án được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước họp tại trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, tháng 3/2009.

HUỆ NGUYỄN
giới thiệu